



Lựa chọn chiến lược trong chuyển đổi
Báo cáo tài chính sang IFRS

Ấn phẩm 2: Vượt trên sự tuân thủ

Giới thiệu chung

Quyết định số 345/QĐ-BTC - Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam được Bộ Tài chính phê duyệt vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 đã đề ra các thời hạn và lộ trình áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Mục tiêu của đề án là áp dụng bắt buộc chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam sau năm 2025 với các đối tượng:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước;
- Các công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết; và
- Các công ty quy mô lớn khác.

Bên cạnh việc đi kèm với những thách thức to lớn, quyết định này cũng tạo ra những cơ hội mang tính chiến lược cho doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi từ Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") sang Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ("IFRS").

Để vượt qua được những thử thách này, Deloitte chúng tôi tin rằng các doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện sự lựa chọn một cách có hiệu quả và tối ưu trong quá trình thực hiện chuyển đổi IFRS. Ở mức độ cơ bản nhất, doanh nghiệp phải đạt được sự thông hiểu về những phương pháp đo lường, phân loại, và các yêu cầu về thuyết minh theo IFRS. Ở mức độ nhân sự là việc đào tạo, phát triển và giữ lại được những cá nhân am hiểu về chuẩn mực IFRS ở các cấp bậc, từ nhân viên cho tới các lãnh đạo chủ chốt.

Một thách thức to lớn không được lường trước chính là sự ảnh hưởng kéo dài của đại dịch Covid-19 dẫn đến những khó khăn chung cho các doanh nghiệp khi tiếp cận các nguồn lực tài chính để thực hiện việc chuyển đổi IFRS một cách thành công. Một quy trình nghiêm ngặt tập trung vào những vấn đề quan trọng cốt lõi kèm theo cách giải quyết thực tế (như đã nêu sơ lược trong ấn phẩm 1 "**Phạm vi ảnh hưởng**" của chuỗi ấn phẩm này) là yếu tố then chốt của mọi kế hoạch chuyển đổi.

Bên cạnh các thách thức sẵn có, việc chuyển đổi IFRS sẽ mang lại cho doanh nghiệp các cơ hội tuyệt vời về mặt chiến lược nếu doanh nghiệp biết cách tận dụng và lựa chọn cách thức chuyển đổi hợp lý. Những lựa chọn mang tính chiến lược sẽ ảnh hưởng đến giá trị của doanh nghiệp thông qua việc thay đổi những kỳ vọng về lợi nhuận trong tương lai, cụ thể là những ảnh hưởng từ sự thay đổi về giá trị, cách phân loại, thời điểm ghi nhận hay thuộc tính biến động của các nguồn lợi nhuận đó.

Ấn phẩm 2: **Vượt trên sự tuân thủ: Lựa chọn chiến lược trong chuyển đổi IFRS**, là góc nhìn về nhiều vấn đề mà chúng tôi tin rằng sẽ mang lại các giá trị chiến lược cho doanh nghiệp. Những vấn đề này đã được chúng tôi ghi nhận và đúc kết trong quá trình Deloitte đã thực hiện chuyển đổi IFRS trước đây với các doanh nghiệp ở những quốc gia khác mà hiện nay IFRS đã trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên, những nội dung được đề cập trong Ấn phẩm này không bao gồm tất cả những vấn đề mà một doanh nghiệp có thể gặp phải trong quá trình chuyển đổi. Ngoài ra, có rất nhiều lựa chọn tiềm năng mang những giá trị chiến lược chưa được khai thác trong Ấn phẩm này.

Ấn phẩm này đề cập đến những lựa chọn mà doanh nghiệp sẽ gặp phải trong quá trình chuyển đổi IFRS và có khả năng đem lại những giá trị chiến lược cho doanh nghiệp. Chúng tôi cho rằng chúng ta không nên chỉ xem xét ảnh hưởng của những lựa chọn đó trên phương diện báo cáo tài chính, mà còn phải xem xét về những hệ quả chiến lược sâu rộng hơn.

Trọng tâm của Ấn phẩm này không chỉ đề cập những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ kế toán trong quá trình chuyển đổi mà còn cung cấp cái nhìn sâu sắc về những vấn đề trọng yếu cần được quan tâm và giải quyết một cách kịp thời. Ấn phẩm này không thay thế những tư vấn chuyên môn về các vấn đề được đề cập và chúng tôi cũng không có bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào liên quan đến những quyết định được đưa ra dựa trên Ấn phẩm này. Người lập báo cáo tài chính sẽ chịu mọi trách nhiệm về quyết định của mình và cần tham khảo ý kiến từ kế toán viên chuyên nghiệp. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng Ấn phẩm này cung cấp một cái nhìn toàn diện cho doanh nghiệp về các vấn đề đáng quan tâm khi thực hiện bất kỳ cuộc chuyển đổi IFRS nào.



Phần 1:

Lựa chọn chiến lược trong chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 1 (IFRS 1) - Xác định những lựa chọn có thể đem lại ảnh hưởng đáng kể ngoài phạm vi của báo cáo tài chính

IFRS 1, Áp dụng lần đầu các chuẩn mực IFRS, là chuẩn mực quy định về việc lập báo cáo tài chính theo IFRS lần đầu tiên, bao gồm những định hướng cụ thể, nguyên tắc thuyết minh và quy định về các điều được phép hay không được phép áp dụng. IFRS 1 cũng bao gồm những điều chỉnh bắt buộc và đưa ra các lựa chọn cho những quy định chung về việc điều chỉnh hồi tố đối với báo cáo tài chính khi áp dụng tất cả các chuẩn mực của IFRS lần đầu tiên.

Những lựa chọn này bao gồm các vấn đề như:

- lựa chọn ngày đầu tiên áp dụng các quy tắc về việc hợp nhất kinh doanh để từ đó xác định ngày có hiệu lực và cách thức tính lợi thế thương mại;
- xem xét việc sử dụng giá trị hợp lý là giá trị quy ước của các tài sản trong danh mục bất động sản, nhà xưởng và thiết bị;
- lựa chọn việc loại bỏ các khoản lãi và lỗ hoãn lại đối với các quỹ hưu trí, phúc lợi cho nhân viên; và
- loại bỏ các khoản lãi và lỗ liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh lũy kế từ việc chuyển đổi tỷ giá số liệu của các cơ sở kinh doanh nước ngoài.

Những thay đổi về mặt số liệu liên quan đến các lựa chọn trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính qua IFRS có thể được ghi nhận vào số dư đầu kỳ của lợi nhuận chưa phân phối thay vì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Bên cạnh đó, trong quá trình chuyển đổi, IAS 8 Chính sách kế toán, thay đổi trong ước tính kế toán và sai sót cho phép doanh nghiệp được lựa chọn thay đổi bất kỳ chính sách kế toán nào đã được áp dụng trước đó theo VAS thành bất kỳ chính sách nào được cho phép bởi IFRS mà không cần phải kiểm tra tính thích hợp. Đây sẽ là cơ hội để doanh nghiệp điều chỉnh những chính sách kế toán của mình sao cho giống với những chính sách chung của ngành nghề mà doanh nghiệp đang hoạt động, với điều kiện những chính sách này phải tuân thủ IFRS.

Những lựa chọn này có thể đem lại các giá trị thực tiễn to lớn, chẳng hạn như có thể loại bỏ hoàn toàn yêu cầu phải điều chỉnh hồi tố số dư tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái của các công ty con ở nước ngoài theo IFRS hay việc phải hồi tố các khoản lãi và lỗ trong tính toán rủi ro của hợp đồng bảo hiểm theo các quy định của IFRS.

Mục đích của Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB - Hội đồng soạn thảo và ban hành IFRS) khi cung cấp cho doanh nghiệp các lựa chọn trên là để giảm thiểu chi phí của việc chuyển đổi và khuyến khích việc áp dụng IFRS.

Ngoài giá trị thực tiễn, những lựa chọn này còn có thể mang đến cho doanh nghiệp những giá trị về mặt chiến lược quan trọng khác.

- Trong một số trường hợp, những lựa chọn này có thể làm tăng giá trị ròng hữu hình trên bảng cân đối kế toán, từ đó làm tăng khả năng vay vốn và thúc đẩy dòng tiền trong tương lai.
- Trong những trường hợp khác, chẳng hạn như việc lựa chọn loại bỏ số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ làm số dư của một tài khoản nguồn quỹ trong vốn chủ sở hữu chuyển sang tài khoản lợi nhuận giữ lại mà không làm ảnh hưởng đáng kể tới những dòng tiền trong tương lai.

Việc đưa ra những lựa chọn trên mang các yếu tố chiến lược về mặt kế toán, chẳng hạn như nếu doanh nghiệp dự định thanh lý cơ sở hoạt động kinh doanh ở nước ngoài, số dư của tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ ghi nhận là lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và sẽ làm giảm lợi nhuận hoặc tăng lỗ tương ứng với việc thanh lý này. Vì thế, việc loại bỏ số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ giúp doanh nghiệp tránh được kết quả trên.

Việc thực hiện chuyển đổi IFRS không chỉ đơn thuần là tạo nên những ảnh hưởng về mặt kế toán mà còn tạo nên những giá trị chiến lược cho doanh nghiệp. Điển hình như nếu một doanh nghiệp có các hợp đồng phụ thuộc vào số dư của một tài khoản nhất định, ví dụ như số dư tài sản cố định tạo nên hạn mức tối đa khi doanh nghiệp vay vốn, mà các hợp đồng vay này có ảnh hưởng đến dòng tiền trong tương lai của doanh nghiệp thì những điều chỉnh về mặt kế toán sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên dòng tiền và định giá của doanh nghiệp.

Cách lập báo cáo tài chính theo IFRS, cụ thể là việc thay đổi trong cách trình bày kết quả hoạt động kinh doanh hay hình thức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ tác động trực tiếp đến dòng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.



Phần 2: Những chính sách và sự lựa chọn trong IFRS có thể ảnh hưởng đến dòng tiền được ghi nhận

Quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS bao gồm việc thay thế hệ thống kế toán này bằng hệ thống kế toán khác, mà không làm ảnh hưởng đến những dòng tiền giao dịch của doanh nghiệp và vì thế không làm thay đổi tình trạng hoạt động kinh doanh vốn có của doanh nghiệp.

Cụ thể, việc chuyển đổi báo cáo tài chính sang IFRS sẽ không làm thay đổi những định giá được tính dựa trên dòng tiền, ví dụ như định giá doanh nghiệp hay định giá các khoản đầu tư mà doanh nghiệp đang nắm giữ. Do đó, việc áp dụng IFRS sẽ có vẻ như không đem lại những giá trị chiến lược cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nhận định này lại được dựa trên một chuỗi các giả thiết chưa được kiểm chứng.

- Đầu tiên, nhận định này cho rằng không có sự ảnh hưởng đến dòng tiền trong quá trình chuyển đổi (xem Mục 4 để biết trường hợp mà giả thuyết này đưa ra có thể không chính xác).

- Thứ hai, dòng tiền dự tính trong tương lai sẽ phụ thuộc một phần vào cách mà dòng tiền được trình bày trên báo cáo tài chính. Khi doanh nghiệp chuyển đổi sang IFRS, một vài thay đổi tiềm năng về giá trị của dòng tiền có thể được ghi nhận bắt nguồn từ:

- Sự phân loại lại giao dịch – ví dụ như một giao dịch trước đây được xem như là chi phí của hoạt động kinh doanh hàng hóa hoặc dịch vụ thì theo IFRS sẽ được phân loại lại là hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.
- Sự phân loại lại dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ làm thay đổi việc nhìn nhận về cách thức mà doanh nghiệp tạo ra hay sử dụng dòng tiền.

Bất kỳ thay đổi nào về giá trị, thời điểm hay phân loại của dòng tiền được ghi nhận đều có khả năng làm thay đổi giá trị, thời điểm hoặc tính không chắc chắn của những dòng tiền dự kiến trong tương lai và từ đó ảnh hưởng đến việc định giá doanh nghiệp.

Với những lý do trên, dòng tiền được ghi nhận trên báo cáo tài chính theo IFRS có thể có những khác biệt so với việc ghi nhận theo VAS. Cụ thể, báo cáo tài chính theo IFRS sẽ hợp nhất những khoản mục mà theo VAS thường được ghi nhận ngoài bảng cân đối kế toán và vì thế tạo nên một bức tranh hoàn toàn khác trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cả về giá trị và cấu trúc của dòng tiền so với việc ghi nhận theo VAS. IFRS sẽ ghi nhận tài sản đi thuê trên bảng cân đối kế toán và nghĩa vụ nợ thuê phải trả tương ứng với tiền thuê tài sản, còn VAS thì ghi nhận là một khoản tiền thuê hoạt động, dẫn đến dòng tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo IFRS sẽ là dòng tiền từ hoạt động tài chính, thay vì là dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo VAS.

Khi áp dụng IFRS, các doanh nghiệp có thể lựa chọn phân loại lại những dòng tiền liên quan đến chi phí tài chính là một phần của dòng tiền từ hoạt động tài chính thay vì trình bày toàn bộ dòng tiền này từ hoạt động kinh doanh và vì thế sẽ thay đổi giá trị của dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Những vấn đề trên có thể ảnh hưởng đến cách nhìn của nhà đầu tư về giá trị cũng như tầm quan trọng của các dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Sự thay đổi về thời điểm và cách thức đo lường của các khoản trích trước trên báo cáo tài chính có thể dẫn đến sự thay đổi về cách nhìn nhận cũng như kỳ vọng về dòng tiền dựa trên các chỉ số tài chính không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung. Những giá trị gần như tương đương có thể dùng để biểu thị dòng tiền từ báo cáo lưu chuyển dòng tiền như EBITDA, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền mặt sẵn có để phân chia cho các cổ đông có thể dễ dàng thay đổi bởi sự thay đổi của các khoản trích trước.

Ở một mức độ nào đó khi mà giá trị của các chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung này ảnh hưởng tới giá trị của công ty, thì việc ghi nhận và đưa ra những lựa chọn khi áp dụng IFRS có thể thay đổi những yếu tố ảnh hưởng đến việc định giá doanh nghiệp. Kể cả khi doanh nghiệp không phải đưa ra những lựa chọn khi áp dụng IFRS thì những thay đổi trên cũng cần phải được xem xét với những giá trị chiến lược tiềm ẩn. Những sự thay đổi đi cùng với IFRS đôi khi yêu cầu cả những sự thay đổi về chiến lược của doanh nghiệp, chứ không đơn thuần chỉ là những thay đổi về mặt chính sách kế toán.



Phần 3:

Kết hợp chỉ số EBITDA, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và các chỉ số đo lường không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung khác vào kế hoạch chuyển đổi IFRS

Ngoài các chỉ tiêu được quy định bởi các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung, các doanh nghiệp đôi khi còn sử dụng các chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung như “EBITDA” và “dòng tiền từ hoạt động kinh doanh” để đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp. Những chỉ tiêu này thường được tính toán bằng cách cộng ngược trở lại những khoản chi phí không bằng tiền liên quan đến tài sản vốn và lợi thế thương mại được trừ ra khi tính lợi nhuận theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung, ví dụ như EBITDA được tính bằng cách cộng ngược trở lại những khoản thuế và lãi nhưng không điều chỉnh những khoản thay đổi về dòng tiền liên quan đến những thay đổi vốn lưu động.

Mặc dù vẫn còn rất nhiều những tranh luận xoay quanh vấn đề trên, nhưng các chỉ tiêu này nên được sử dụng đồng thời với các chỉ tiêu theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung vì chúng có giá trị gần như tương đương và có thể dùng để biểu thị dòng tiền dài hạn mà các nhà đầu tư sử dụng để định giá một công ty hay một tài sản.

Ở những quốc gia mà việc áp dụng IFRS đã trở thành thông lệ như ở Anh, Úc và Châu Âu, những chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung thường được công bố trên báo cáo tài chính theo IFRS. Tuy nhiên, mức độ sử dụng còn tùy thuộc vào mỗi quốc gia. Các ví dụ về việc trình bày những chỉ tiêu này có thể kể đến như là việc công bố các phương thức đo lường hiệu quả hoạt động của từng bộ phận trên thuyết minh về các bộ phận kinh doanh; các dòng tổng cộng, đối chiếu số liệu hay những phân tích riêng về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hay các thông tin thuyết minh riêng trên báo cáo tài chính.

Việc bao gồm các số liệu này trên báo cáo tài chính được quy định bởi IAS 1 - Trình bày Báo cáo tài chính, cho phép doanh nghiệp được trình bày thêm những dòng chỉ tiêu bổ sung, các tiêu đề, và các dòng tổng cộng trên báo cáo thu nhập toàn diện và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (nếu có) miễn là việc trình bày này giúp người đọc hiểu hơn về tình hình tài chính của đơn vị.

Theo một số ý kiến đánh giá chủ quan từ các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích hay quản lý tài chính cấp cao thì những chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung như EBITDA hoặc lợi nhuận cơ bản không bao gồm các giao dịch diễn ra không thường xuyên sẽ thường được yêu cầu cung cấp bổ sung để hỗ trợ cho việc phân tích của họ.

Ngoài ra, với sự phổ biến rộng rãi của các chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung trong báo cáo tài chính lập theo VAS, chúng ta có thể thấy rằng chúng có thể đem lại giá trị chiến lược cho nhà đầu tư.

Một khi các phương thức đo lường này được cho phép bởi các nhà hành pháp tại Việt Nam, việc ghi nhận những chỉ tiêu này vào báo cáo tài chính theo IFRS có thể mang lại những giá trị chiến lược cho doanh nghiệp mà điều này đã được công nhận ở các quốc gia khác. Vì bản chất của các chỉ tiêu trên là loại bỏ một số giao dịch bằng tiền và các khoản mục khác, nên các doanh nghiệp công bố sử dụng các chỉ tiêu trên cần phải thực hiện một cách thận trọng nhằm đảm bảo tính minh bạch, khả năng so sánh và tính nhất quán của báo cáo tài chính qua các năm.

Cụ thể, doanh nghiệp phải nhận thức rõ được rằng:

1. về mặt thực tiễn, các nhà phân tích tài chính sẽ sử dụng các dữ liệu đó;
2. các chỉ tiêu này được doanh nghiệp sử dụng để theo dõi kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình tài chính, và
3. các chỉ tiêu này được áp dụng một cách thận trọng và nhất quán nhằm đảm bảo không dẫn đến tình trạng chỉ loại trừ các khoản mục không có lợi hoặc chỉ bao gồm các chỉ số có lợi cho doanh nghiệp.

Việc những chỉ tiêu không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung này được sử dụng trong các quy ước tài chính và các hợp đồng khác như hợp đồng cho thuê thể hiện được tính hữu dụng cơ bản của các chỉ tiêu này. Giá trị của các chỉ tiêu này phải được đối chiếu với báo cáo tuân thủ theo IFRS nếu chúng chưa được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính hợp lý về mặt số liệu.



Phần 4: Lợi ích của việc sử dụng giá trị hợp lý làm giá trị quy ước của tài sản, nhà máy và thiết bị khi thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính lần đầu sang IFRS, IFRS 1 cho phép doanh nghiệp sử dụng giá trị hợp lý làm giá trị quy ước cho các tài sản trong danh mục bất động sản, nhà xưởng và thiết bị. Lựa chọn này tạo ra các cơ hội sinh lời cho doanh nghiệp nhưng cũng đi kèm với những lo lắng nhất định về cách áp dụng giá trị hợp lý.

Các cơ hội sinh lời có thể phát sinh từ việc nhiều tài sản được ghi nhận theo mô hình giá gốc khi áp dụng VAS nhưng lại có giá trị thấp hơn đáng kể so với giá trị giao dịch trên thực tế, ngay cả trong giai đoạn suy thoái. Ví dụ, việc tăng giá trị còn lại của các tài sản cho bằng với giá trị hợp lý có thể làm tăng khả năng vay vốn và thay đổi dòng tiền của doanh nghiệp. Tuy nhiên, lựa chọn trên dẫn đến sự quan ngại về những động cơ không chính đáng khi thực hiện ghi tăng giá trị của tài sản theo giá trị hợp lý, mà lựa chọn này không phù hợp với VAS hay tinh thần của báo cáo tài chính tại Việt Nam từ trước đến nay.

Có rất nhiều lý do có thể khiến cho giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận với giá trị thấp hơn đáng kể so với giá trị hợp lý của chúng. Một số tài sản như đất đai đã được:

- mua cách đây nhiều thập kỷ; hoặc
- mua lại từ các bên liên quan và được ghi nhận theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung đối với giá trị còn lại trên sổ của đơn vị đó, mặc dù giá trị hợp lý khi trao đổi có thể cao hơn đáng kể; hoặc
- mua lại từ một cơ quan hay tổ chức của chính phủ nơi tài sản đó được ghi nhận theo một giá trị danh nghĩa hoặc không có giá trị nào trên sổ của cơ quan, tổ chức đó.

Bút toán điều chỉnh để sử dụng giá trị hợp lý như giá trị quy ước chỉ đơn giản là một khoản ghi tăng giá trị của tài sản trong danh mục bất động sản, nhà máy và thiết bị, đồng thời kèm theo một khoản tăng tương ứng trên số dư đầu kỳ của vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán. "Giá trị quy ước" mới sẽ là cơ sở cho việc kiểm tra sự suy giảm giá trị tài sản và đo lường chi phí khấu hao của tài sản đó.

Lợi ích của việc điều chỉnh ghi nhận giá trị tài sản từ giá gốc sang giá trị hợp lý có thể xem xét trên nhiều khía cạnh. Liên quan đến khía cạnh khái niệm, giá trị hợp lý cung cấp một phương pháp đánh giá giá trị của tài sản một cách thực tế hơn, và có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc xác định giá trị của khoản "tiền mặt có thể phân phối" cho các cổ đông khi việc khấu hao tài sản sẽ sử dụng giá trị hợp lý tại thời điểm gần nhất chứ không phải giá gốc.

Việc tăng giá trị ròng hữu hình của một doanh nghiệp còn có những lợi ích mang tính chiến lược về sự linh hoạt tài chính, đặc biệt khi việc tuân thủ các thỏa thuận tài chính sẽ thắt chặt hoạt động vay vốn của doanh nghiệp hoặc khi giá trị còn lại của các tài sản được phát hiện suy giảm khi doanh nghiệp đánh giá sự suy giảm giá trị theo IFRS lần đầu tiên. Trong quá trình chuyển đổi từ VAS sang IFRS thì quyền lựa chọn có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến việc vi phạm các thỏa thuận tài chính tiềm ẩn hoặc thời hạn thanh toán nợ, từ đó sẽ có tác động trực tiếp đến dòng tiền của doanh nghiệp.

Việc xác định giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm tài sản có thể rất đơn giản nhưng cũng có thể rất phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt của các phương pháp xác định khác nhau. Giá trị hợp lý của một tài sản có thể được xác định một cách dễ dàng khi mà tài sản đó có một thị trường mua bán tài sản đang hoạt động sôi nổi. Ngược lại, việc xác định giá trị hợp lý sẽ phức tạp hơn đối với các tài sản thuộc nhóm "tài sản liên kết", trong đó các tài sản riêng lẻ (trừ khi là một tập hợp số lượng lớn các tài sản) không thể tạo ra các dòng tiền độc lập với các tài sản khác, như hệ thống viễn thông, đường sắt, chi nhánh mạng lưới các tổ chức tài chính và chuỗi cửa hàng được cung cấp hàng hóa bởi các trung tâm phân phối chung.

Giá trị hợp lý của các tài sản sản xuất thường là giá trị được ước tính hơn là giá trị có thể thấy được trên thị trường. Khi xác định giá trị hợp lý, dòng tiền từ một tài sản sẽ bao gồm giá trị mà tài sản đó đóng góp trong chuỗi liên kết sản xuất chung cũng như những tác động xấu có thể xảy ra với khoản đầu tư vào tài sản đó do sự thay đổi về công nghệ. Sự hiểu biết về các mối quan hệ giữa cơ cấu doanh thu và chi phí của ngành, công nghệ và tài chính là cần thiết để xác định được giá trị hợp lý hay giá trị để một giao dịch ngang giá có thể diễn ra. Việc sử dụng phương pháp đo lường theo giá trị hợp lý nên được cân nhắc khi giá trị hợp lý có thể tạo ra những lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng nên đánh giá những nỗ lực và chi phí phải bỏ ra để có thể xác định được các giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy.



Phần 5: Phúc lợi của nhân viên bao gồm quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định các lựa chọn: quan trọng trong và sau khi chuyển đổi

Sự ghi nhận, đo lường và phân loại của các khoản chi phí và nghĩa vụ phúc lợi cho nhân viên trong báo cáo tài chính theo IFRS sẽ có những khác biệt cơ bản so với báo cáo trình bày theo VAS. Trong khi IFRS có chuẩn mực IAS 19 quy định cách ghi nhận đối với các khoản phúc lợi cho nhân viên thì VAS lại không có chuẩn mực tương đương. Sự thay đổi này sẽ gây ảnh hưởng lên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Như vậy khi áp dụng IFRS, những khoảng chi phí và nợ phải trả phát sinh từ các kế hoạch phúc lợi và ảnh hưởng của chúng lên báo cáo tài chính của doanh nghiệp sẽ trở thành một trong những yếu tố quyết định và cần được cân nhắc để tạo ra giá trị chiến lược cho doanh nghiệp khi xây dựng chế độ phúc lợi của nhân viên.

Vì không có chuẩn mực tương đương theo VAS, việc chuyển đổi sang IFRS sẽ tạo nên những khác biệt đáng kể trong kế toán cho các quỹ khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên. Chi phí của các khoản phúc lợi chia bằng cổ phiếu được trao theo tỉ lệ phần trăm dựa trên thâm niên làm việc sẽ được ghi nhận trên cơ sở gia tốc theo IFRS. Một số ủy thác về quyền sở hữu cổ phần của nhân viên (ESOP) mà không hợp nhất theo VAS có thể được hợp nhất theo IFRS.

Cổ phiếu phát hành cho các quỹ tín thác trên sẽ không được ghi nhận dưới dạng vốn phát hành trong báo cáo hợp nhất của doanh nghiệp mà được ghi nhận giảm vào tài khoản của nguồn vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu trên cũng sẽ không được coi là phát hành để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS).

Các doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo IFRS cũng thường phân loại lại các khoản chi phí theo quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định trước đó – chẳng hạn như việc loại các khoản chiết khấu nợ phải trả và lợi tức từ các khoản đầu tư vào chương trình phúc lợi – thành thu nhập và chi phí tài chính hơn là chi phí hoạt động. Việc phân loại lại như vậy thay đổi cách đánh giá về bản chất của chi phí đó, cụ thể là từ chi phí để có được hoạt động kinh doanh của kỳ hiện tại thành thu nhập và chi phí phát sinh từ tài sản và nợ phải trả của quỹ phúc lợi.

Tại ngày chuyển đổi báo cáo tài chính sang IFRS, doanh nghiệp cũng có thể lựa chọn loại bỏ bất kỳ số dư chưa phân bổ nào của lãi và lỗ tính toán từ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định trước đó. Việc tránh ghi nhận các chi phí này trong tương lai bởi những khoản lỗ hoãn lại như trên là một động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp sử dụng lựa chọn này. Khi đó số dư đầu kỳ được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo IFRS của quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định có thể chỉ đơn giản là một khoản nợ bằng với phần vượt quá của nghĩa vụ phải trả so với giá trị hợp lý của tài sản tại ngày lập bảng cân đối kế toán (hoặc tài sản khi có số dư có thể sử dụng sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả).

Nếu một tổ chức có các khoản lỗ hoãn lại đòi hỏi các phương thức tính toán phức tạp và có khả năng làm giảm thu nhập trong tương lai của doanh nghiệp thì lựa chọn "loại bỏ" những khoản lãi và lỗ hoãn lại dường như là một sự lựa chọn được ưa thích hơn bởi các doanh nghiệp. Mặt khác, lựa chọn này sẽ không có những ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền của doanh nghiệp.

Việc doanh nghiệp có nên áp dụng chính sách ghi nhận lãi và lỗ hoãn lại hay ghi nhận các khoản này như là một khoản thu nhập khi chúng xảy ra là sự lựa chọn mang tính lâu dài về mặt chính sách kế toán cho doanh nghiệp, vì trước giờ lựa chọn này không được quy định bởi VAS. Lựa chọn này độc lập với lựa chọn "loại bỏ hoàn toàn" số dư khi chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Việc ghi nhận ngay những khoản trên chắc chắn sẽ tạo nên những sự biến động lên chi phí phúc lợi.

Tuy nhiên, việc hoãn lại lãi và lỗ – đặc biệt nếu lỗ đã tích lũy qua nhiều năm – có thể dẫn đến một khoản tăng chi phí đáng kể. Có một sự giống nhau là cả hai chính sách kế toán đều không làm thay đổi chi phí bằng tiền của quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định, nhưng sự lựa chọn có thể đem lại những giá trị chiến lược vì quyết định này sẽ dẫn đến việc đánh đổi giữa sự biến động chi phí của doanh nghiệp và sự tích lũy một khoản lớn chi phí hoãn lại. Về mặt lý thuyết, vì các dòng tiền không thay đổi nên lựa chọn trên sẽ không ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp, tuy nhiên sự biến động làm tăng thu nhập thì lại ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn.

Cấu trúc của các kế hoạch phúc lợi dựa trên cổ phiếu cũng cần được xem xét lại vì chúng có thể bị ảnh hưởng khi doanh nghiệp áp dụng IFRS. Kế hoạch phúc lợi chi trả bằng cổ phiếu được trao theo tỷ lệ phần trăm dựa trên thâm niên làm việc có thể ít được ưa chuộng hơn so với các kế hoạch phúc lợi cổ phiếu trao toàn bộ sau một khoảng thời gian được quy định khi cân nhắc đến việc IFRS ghi nhận những chi phí vào báo cáo tài chính tại thời điểm bắt đầu giao dịch. Như đã đề cập, các kế hoạch phúc lợi chia bằng cổ phiếu cho nhân viên cũng có thể ảnh hưởng đến đến lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và các tỉ suất cổ phần khác. Những tác động này cần được xem xét một cách thấu đáo và cẩn trọng để xây dựng một kế hoạch phúc lợi chiến lược và tối ưu nhất.



Phần 6: Đàm phán hoặc thương lượng lại các thỏa thuận ngân hàng và các thỏa thuận khác liên quan đến các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung khi chuyển đổi sang IFRS - sự cân nhắc mang tính chiến lược

Các thỏa thuận trong hợp đồng vay hoặc mối quan hệ trong các hợp đồng khác, chẳng hạn như các thỏa thuận phân chia lợi nhuận hoặc thỏa thuận thu nhập cho các cấp lãnh đạo, thường đề cập đến các khoản mục trên báo cáo tài chính là “được chuẩn bị theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung và áp dụng một cách nhất quán”.

Các thỏa thuận phổ biến bao gồm:

- các bài kiểm tra giá trị ròng hữu hình cho giá trị còn lại của bất động sản, nhà xưởng và thiết bị;
- giới hạn mức tín dụng được tài trợ cho giá trị còn lại của các khoản nợ nhất định;
- các bài kiểm tra khả năng luân chuyển dòng tiền được tính toán bằng cách so sánh lãi suất và chi phí tài chính trừ vào EBITDA hoặc các phương pháp không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung dựa trên thu nhập; và
- chỉ số thanh khoản được xem như tỷ lệ vốn lưu động, trong đó sử dụng các chỉ số về giá trị còn lại của các khoản phải thu và hàng tồn kho trên khoản phải trả và các khoản nợ ngắn hạn khác.

Một quy định cũng rất phổ biến với các thỏa thuận trên là nếu các chính sách kế toán của đơn vị thay đổi vì bất kỳ lý do nào dẫn đến sự thay đổi của các số liệu tham chiếu trên thì có thể các bên sẽ phải đàm phán lại các thỏa thuận.

Theo quy định này, việc áp dụng IFRS tất yếu đã làm thay đổi cùng lúc một số lượng đáng kể các chính sách kế toán của doanh nghiệp. Đối với các thỏa thuận đề cập đến các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung hoặc các yếu tố khác của báo cáo tài chính mà cần đàm phán hoặc thương lượng lại thì rất có thể các thỏa thuận này phải được thay đổi. Sự ngầm định chung là các nội dung hiện tại đang đề cập đến các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung sẽ được thay thế bằng các khoản được xác định theo IFRS mà không cần nhất thiết phải tương tự với những khoản mà chúng thay thế.

Ví dụ, việc chuyển đổi sang IFRS có thể thay đổi các thành phần của chi phí tài chính và thu nhập tài chính, việc ghi nhận và đo lường bất động sản, nhà xưởng và thiết bị là kết quả của việc xác định giá trị hợp lý hoặc sự suy giảm giá trị tài sản, việc phân loại các nguồn lực tài chính là nợ phải trả thay vì vốn chủ sở hữu, và phạm vi của báo cáo hợp nhất (giả sử thỏa thuận có liên quan đến một đơn vị được hợp nhất). Tất cả những sự thay đổi này có thể ảnh hưởng đến các phương thức đo lường thường được đề cập trong các thỏa thuận.

Trong quá trình này, doanh nghiệp có thể áp dụng một số chiến lược để quản lý hiệu quả việc chuyển đổi IFRS và đàm phán lại các thỏa thuận cũ cũng như thương lượng các thỏa thuận trong các thỏa thuận cho vay mới diễn ra trong quá trình chuyển đổi IFRS. Một cách để tiếp cận vấn đề này là việc đàm phán lại hợp đồng như một bước bổ sung của quá trình chuyển đổi IFRS và sẽ được thực hiện sau khi toàn bộ các quyết định về áp dụng các nguyên tắc kế toán theo IFRS đã được đưa ra.

Việc tuân thủ các thỏa thuận sẽ được xác định sau khi các chính sách lựa chọn theo IFRS được xác định. Cách tiếp cận này sẽ làm đơn giản hóa việc chuyển đổi IFRS nhưng cũng tiềm tàng những rủi ro về dòng tiền nếu các báo cáo theo IFRS làm cho doanh nghiệp gặp nhiều rủi ro hơn và có sự gia tăng trong chi phí vay, hoặc các thỏa thuận không thể đáp ứng được theo IFRS và khoản đi vay cần được hoàn trả ngay lập tức.

Một cách tiếp cận khác chính là xem việc chuyển đổi IFRS như một hoạt động chiến lược, được thực hiện với trọng tâm là tối đa hóa dòng tiền vào hoặc tối thiểu hóa dòng tiền ra.

Các bước được thực hiện lần lượt là:

01. Xác định những kết quả mà báo cáo tài chính chuyển đổi theo IFRS mang lại, bao gồm cả mô phỏng tác động của các lựa chọn khác nhau của doanh nghiệp, nhưng không đưa ra lựa chọn dứt khoát;

02. Dự báo các số dư có liên quan đến sự lựa chọn sau khi báo cáo tài chính được chuyển đổi và ảnh hưởng của chúng đến các thỏa thuận trong các trường hợp khác nhau có thể xảy ra; và

03. Trang bị kiến thức về kết quả của các lựa chọn trong chuyển đổi IFRS, bắt đầu đàm phán để đạt được thỏa thuận trước khi chuyển đổi trong khoảng thời gian nhất định.

Nếu báo cáo tài chính được chuyển đổi tại ngày không thể đoán trước, ban lãnh đạo có thể sẽ muốn trì hoãn các cuộc đàm phán cho đến khi có các lựa chọn như định giá lại bất động sản, nhà xưởng và thiết bị (và bao gồm các lựa chọn khác) được hiểu biết một cách đầy đủ. Điều này có thể phải đến sau tháng 01 năm 2026 hoặc muộn hơn trong năm 2026. Việc đồng thời đánh giá các thỏa thuận vay và các lựa chọn IFRS có thể thay đổi kết quả của cả hai vấn đề này theo hướng tốt hơn.



Phần 7: Một nền tảng không ổn định: những thay đổi trong tương lai của IFRS và ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi và trao đổi thông tin

Các chi phí phát sinh và lợi ích có được của các doanh nghiệp trong Liên minh châu Âu (“EU”) trong quá trình chuyển đổi sang IFRS thường được đề cập đến với ý nghĩ rằng các chi phí và lợi ích tương tự (và chiến lược chuyển đổi) cũng có thể được tạo ra trong quá trình chuyển đổi tại Việt Nam. Tiến trình chuyển đổi từ VAS sang IFRS là gần như tương tự ở nhiều khía cạnh với tiến trình chuyển đổi được thông qua tại các quốc gia khác, chẳng hạn như EU.

Tuy nhiên, một sự khác biệt lớn giữa hai tiến trình đó là trong thời gian chuyển đổi của Liên minh Châu Âu, IASB đã đồng ý một thỏa thuận cung cấp một nền tảng IFRS ổn định trong suốt quá trình chuyển đổi. IASB tránh bổ sung thêm chuẩn mực kế toán mới vào bộ chuẩn mực IFRS trong khoảng thời gian hai năm cho đến ngày chính thức chuyển đổi IFRS tại EU. Thỏa thuận này cũng bao gồm một lựa chọn cho phép doanh nghiệp áp dụng IFRS lần đầu tiên không phải trình bày lại chuẩn mực về công cụ tài chính lần đầu được áp dụng, bao gồm IAS 39 Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường, được áp dụng trong năm EU chuyển đổi.

Quá trình chuyển đổi tại Việt Nam không được bảo đảm bởi thỏa thuận trên và thực tế có thể hoàn toàn ngược lại — việc kết hợp chuẩn mực IFRS mới trong thời gian chuyển đổi bao gồm việc cập nhật nội dung liên quan đến các chuẩn mực về Hợp đồng bảo hiểm (IFRS 17), Trình bày báo cáo tài chính (IAS 1), Hợp nhất kinh doanh (IFRS 3), v.v... — sẽ tạo ra một nền tảng với nhiều biến động và thách thức hơn khi doanh nghiệp Việt Nam thực hiện chuyển đổi IFRS. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian trước khi chuyển đổi, Bộ Tài Chính cũng sẽ nghiên cứu, xây dựng, ban hành VFRS - Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam thay thế cho VAS hiện hành để phù hợp ở mức độ cao nhất với IFRS, từ đó giảm thiểu tác động của việc áp dụng các chuẩn mực IFRS mới tại ngày chuyển đổi.

Giả sử như IASB tuân thủ chính sách là cho phép thời gian ít nhất một năm trước khi việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới trở nên bắt buộc, thì danh sách các chuẩn mực IFRS áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2026 chỉ có thể được biết sớm nhất vào ngày 01 tháng 01 năm 2026. Sự không chắc chắn này không chỉ tác động lên việc lập kế hoạch chuyển đổi mà còn ảnh hưởng đến việc trao đổi thông tin về ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS lên báo cáo tài chính cho người sử dụng trước ngày chuyển đổi.

Việc một doanh nghiệp có thể đưa ra một lần duy nhất toàn bộ những thay đổi có thể xảy ra sẽ tốt hơn là việc đưa ra nhiều lần danh sách những thay đổi nhưng vẫn có thể tiếp tục được điều chỉnh phụ thuộc vào sự thay đổi tiếp theo trong quá trình chuyển đổi IFRS. Vì lý do này, doanh nghiệp có thể lựa chọn không công bố kết quả số liệu cụ thể mà chỉ công bố một cách khái quát rằng những thay đổi tiếp theo của chuẩn mực IFRS có hiệu lực trước ngày chuyển đổi có thể có tác động rất lớn lên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Khi các yếu tố không chắc chắn khác về quá trình chuyển đổi được xem xét thì khả năng hoàn thành sớm việc chuyển đổi cũng như khả năng công bố sớm bất kỳ thông tin số liệu cụ thể nào cũng sẽ giảm dần. Một phương pháp trao đổi có thể giải quyết những vấn đề này sẽ được xem xét trong Mục 9. Sự không chắc chắn này cũng sẽ ảnh hưởng đến cách doanh nghiệp đề ra thời hạn tối đa để hoàn thành việc chuyển đổi khi cân nhắc rằng những thay đổi trong IFRS có thể tác động đến không chỉ nội dung mà còn những giá trị chiến lược của các báo cáo tài chính chuyển đổi.



Phần 8: Tiếp cận nguyên tắc thuyết minh về chi phí vốn và lương thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt: các lựa chọn và thông điệp mang lại

Những quy tắc thuyết minh của IFRS bao gồm các yếu tố vượt ra ngoài phạm vi của các vấn đề thường được đề cập trong báo cáo tài chính lập theo VAS. Hai ví dụ về quy tắc công bố thông tin này là:

- việc công bố lãi suất chiết khấu dựa trên chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp mà được dùng để định giá tài sản bị suy giảm giá trị theo phương pháp giá trị sử dụng và;
- việc công bố lương thưởng của các nhân sự quản lý chủ chốt. Mặc dù VAS không có quy định cụ thể nhưng việc công bố thông tin về lương, thưởng của các nhân sự quản lý chủ chốt tại công ty đại chúng ở Việt Nam cũng đã được cập nhật trong Điều 15 – Điểm 2 – Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

IFRS yêu cầu doanh nghiệp sử dụng phương pháp giá trị sử dụng để đo lường sự suy giảm giá trị của tài sản phải công bố lãi suất chiết khấu được sử dụng để xác định giá trị sử dụng – “chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền cho các hoạt động sử dụng tài sản trên”. Giá trị của lãi suất chiết khấu được công bố bởi doanh nghiệp là duy nhất vì lãi suất này thường không phải là một chỉ số kinh tế có trên thị trường mà chỉ được ước tính nội bộ.

Ở Việt Nam, mặc dù VAS không có quy định cụ thể nhưng việc công bố thông tin về lương, thưởng của các nhân sự quản lý chủ chốt tại các công ty đại chúng cũng đã được cập nhật trong Điều 15 – Điểm 2 – Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Tuy nhiên, không giống như yêu cầu thuyết minh trong các tuyên bố ủy quyền, việc thuyết minh theo báo cáo tài chính IFRS không quy định phương thức được sử dụng để tính toán các khoản lương thưởng. Đây không phải là một thiếu sót vì trong một khoảng thời gian dài các cơ quan quản lý đã đấu tranh để xác định xem quyền chọn mua cổ phiếu nên được phản ánh theo giá trị hợp lý vào ngày cấp, hoặc giá trị hợp lý sau đó. Đây là một vấn đề hóc búa vì nếu giá trị hợp lý của quyền chọn liên tục được điều chỉnh thì đến một lúc nào đó khi giá trị này giảm mạnh xuống đến mức âm thì sẽ làm cho khoản lương thưởng trở thành một giá trị vô lý.

Ngược lại, nếu giá trị hợp lý tại ngày cấp được sử dụng sẽ không có sự công nhận nào cho việc tăng giá trị của quyền chọn sau đó. Bằng chứng cho thấy sự tuân thủ với hai quy định về thuyết minh này trên báo cáo tài chính theo IFRS không phải lúc nào cũng cung cấp những thông tin chính xác.

Diễn hình như chi phí sử dụng vốn thường xuyên được công bố với khoảng dao động rộng (ví dụ như "trước thuế: 8% -24% ..., sau thuế: 5% -20%"). Tương tự, việc công bố những quy định về lương thưởng có thể kéo dài nhiều trang trên báo cáo tài chính, với chi tiết về thông số định giá của mỗi quyền chọn. Người dùng vì thế phải đọc qua rất nhiều thông tin để có được sự hiểu biết về chính sách lương thưởng.

Mục tiêu của những quy định công bố thông tin theo IFRS trong cả hai trường hợp trên là để cung cấp một cách minh bạch các thông tin mang tính nhạy cảm tiềm ẩn. Trong trường hợp chi phí sử dụng vốn, việc công khai tỷ suất lợi nhuận có thể giúp xác định liệu doanh nghiệp có sử dụng lãi suất chiết khấu thấp để tăng giá trị còn lại của tài sản hoặc được sử dụng một lãi suất cao để khiến cho tỷ suất lợi nhuận trong tương lai cao một cách bất thường. Các quy định về công bố thông tin đóng vai trò như một cách thức kiểm soát rủi ro của việc sử dụng các ước tính nội bộ. Đối với lương thưởng, giao dịch này về cơ bản xảy ra giữa các bên không độc lập nên rất dễ bị lạm dụng, vì thế việc công bố thông tin sẽ giúp giải quyết phần nào vấn đề này.

Tuy nhiên, lựa chọn lại nằm ở người người lập báo cáo tài chính là dựa theo quy định về thuyết minh thì việc công bố một tỷ suất lợi nhuận và khoản lương thưởng có thực sự đáp ứng được mục tiêu minh bạch hay chỉ cung cấp những chỉ số tuân thủ nhưng không đáp ứng mục tiêu này. Việc công bố thông tin một cách minh bạch những số liệu trên có thể chứng minh được rằng ban lãnh đạo của doanh nghiệp thật sự thấu hiểu bản chất các nguyên tắc của IFRS. Vì thế, đây có thể là một sự lựa chọn chiến lược giúp doanh nghiệp phản ánh được nhiều giá trị hơn ngoài những nguyên tắc kế toán thông thường.



Phần 9: Công bố thông tin về việc chuyển đổi sang IFRS

IFRS 1 chi phối và ảnh hưởng lớn đến cách thức mà một doanh nghiệp chuyển đổi báo cáo tài chính của mình sang IFRS. Trong đó, IFRS 1 yêu cầu doanh nghiệp phải thuyết minh ảnh hưởng của những thay đổi trong chính sách kế toán khi chuyển đổi, chủ yếu dưới dạng đối chiếu số dư đầu kỳ của vốn chủ sở hữu theo IFRS với số dư theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung và đối chiếu các ảnh hưởng của chuyển đổi trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cho năm so sánh. Sự đối chiếu này giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính nhận biết được tác động cụ thể của những thay đổi bắt buộc và lựa chọn khác nhau mà doanh nghiệp đã áp dụng trong quá trình chuyển đổi sang IFRS. Đồng thời, doanh nghiệp cũng nên công bố bản chất của những sự lựa chọn đã được thực hiện trong quá trình chuyển đổi.

Tuy nhiên, những quy định đối chiếu và thuyết minh này thường không yêu cầu giải thích lý do cho các lựa chọn, hay tác động từ sự thay đổi của các xu hướng lên kết quả và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Quy định này yêu cầu doanh nghiệp phải đối chiếu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước khi thay đổi, không phải năm diễn ra sự thay đổi. Do vậy, trong báo cáo tài chính năm 2026, nhiều nhà đầu tư có thể sẽ không phân biệt được những thay đổi trong báo cáo IFRS là phát sinh từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hay từ những ảnh hưởng của IFRS.

Thêm vào đó, trước khi báo cáo tài chính theo IFRS được phát hành đầu năm 2026, hầu hết người sử dụng sẽ không thể xây dựng được những kỳ vọng cho năm 2026 cũng như những chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh sau này theo IFRS. Lý do cho việc này là sự hình thành kỳ vọng có thể bị ảnh hưởng bởi các chính sách và các sự lựa chọn mà doanh nghiệp thực hiện khi chuyển đổi vốn chỉ có thể được xác định và công bố hoàn toàn vào năm 2026.

Để giải quyết vấn đề trên, nhiều doanh nghiệp có thể lựa chọn công bố các thông tin số liệu cụ thể về tác động của những thay đổi khi áp dụng IFRS trong phạm vi mà doanh nghiệp có thể ước tính và xác định trước ngày chuyển đổi. Cách tiếp cận này có thể gặp nhiều khó khăn khi việc trình bày lại các thông tin tài chính chưa được thực hiện đầy đủ trước năm 2026 và sự ngần ngại của doanh nghiệp khi công bố những thay đổi khi áp dụng IFRS vì những kết quả này có thể thay đổi đáng kể trước khi hoàn thành việc chuyển đổi.

Một giải pháp cho vấn đề này đã được rút ra từ việc công bố thông tin của một số doanh nghiệp EU, bao gồm hai bước: đầu tiên, công bố báo cáo tài chính năm 2025 được chuẩn bị theo VAS trong đầu năm 2026. Ngay sau đó (hoặc sớm hơn, nếu có thể), công bố bản hoàn chỉnh của bảng cân đối kế toán theo IFRS bắt đầu ngày 1 tháng 1 năm 2025, thông tin hàng quý và thu nhập cả năm của năm 2025 được trình bày lại. Điều này cung cấp cho người dùng cơ sở để hình thành kỳ vọng quý cũng như toàn bộ năm cho năm 2026 theo IFRS - và để dễ dàng đánh giá kết quả của năm 2026 được công bố bởi các doanh nghiệp.

Theo cách tiếp cận trên, kết quả báo cáo tài chính quý I năm 2026 theo IFRS sẽ được công bố ra một thị trường đã được trang bị thông tin hoàn toàn đầy đủ và chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận chúng, với số liệu của năm trước được cung cấp trước khi công bố báo cáo tài chính mới. Các nhà phân tích cũng như những người dùng khác có thể xây dựng những mô hình và kỳ vọng cho năm 2026 trước khi nhận được báo cáo quý theo IFRS đầu tiên.

Giải pháp thay thế, từ phát triển bộ báo cáo và cung cấp cả số liệu IFRS và VAS, có thể dẫn đến việc công bố số liệu theo IFRS dễ bị thay đổi khi mà những lựa chọn về chính sách vẫn có thể được thực hiện trước ngày mà báo cáo tài chính theo IFRS đầu tiên được công bố. Kinh nghiệm chỉ ra rằng doanh nghiệp nên tránh những quyết định có thể làm thay đổi kỳ vọng - ngay cả thay đổi do những thay đổi hợp pháp trong lựa chọn chính sách kế toán. Việc chờ đợi để đưa ra một bộ báo cáo tài chính được trình bày lại hoàn chỉnh theo IFRS lần đầu tiên thay vì một vài số liệu được trình bày lại có thể là quá muộn để giúp hình thành kỳ vọng trên thị trường. Một cuộc cải cách bùng nổ có thể là cách hiệu quả nhất để tạo nên sự thay đổi.



Phần 10:

Đặt ra những thời hạn chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS phù hợp về mặt chiến lược: tại sao doanh nghiệp không nên chỉ lo lắng về ngày 01 tháng 01 năm 2026

Theo Quyết định số 345/QĐ-BTC: Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Bộ Tài Chính, sau giai đoạn áp dụng tự nguyện từ 2022 đến 2025 sẽ là thời điểm bắt buộc áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho các doanh nghiệp được quy định cụ thể theo quyết định này. Vì thế, ngày báo cáo tài chính theo IFRS trở thành hiện thực đối với hầu hết các doanh nghiệp có năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 là ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Đồng thời, vì lý do đã thảo luận ở trên, những vấn đề có thể ảnh hưởng đến việc chuyển đổi và lựa chọn chuyển đổi phải được giải quyết trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 - ngay trước ngày chuyển đổi. Dù ở thời điểm hiện tại đến năm 2025 vẫn còn một khoảng thời gian, doanh nghiệp không nên chờ đợi vì một quá trình chuyển đổi IFRS thành công bao gồm rất nhiều quá trình và sự lựa chọn cần được chuẩn bị kỹ lưỡng. Đồng thời, có những lý do chính đáng tại sao thời hạn, đặc biệt là thời điểm thảo luận nội bộ cho những thành phần quan trọng của quá trình chuyển đổi IFRS, phải được đặt ra sớm hơn nhiều so với thời hạn IFRS chính thức có hiệu lực.

Chẳng hạn như sự phát triển chuyên môn nội bộ để thực hiện báo cáo theo IFRS rõ ràng nên được hình thành trước khi quá trình chuyển đổi chính thức hoàn tất. Tương tự, nếu việc chuyển đổi sang IFRS yêu cầu thay đổi hệ thống công nghệ thông tin của doanh nghiệp thì giai đoạn thực hiện có thể cần khoảng thời gian đủ dài để các yếu tố của quy trình chuyển đổi được lập trình và thử nghiệm trước khi đưa vào áp dụng.

Vì thế sẽ có những cột mốc thời gian để đưa ra các quyết định sớm hơn so với ngày IFRS chính thức có hiệu lực. Những yêu cầu về mặt quản lý doanh nghiệp đối với việc tuân thủ theo IFRS, như kế hoạch chính thức, ngân sách, mục tiêu lương thưởng và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả khác mà được thiết lập trước năm tài chính, cũng sẽ đòi hỏi việc xây dựng các mốc thời gian sớm hơn.

Số liệu tuân thủ theo IFRS có thể tác động lên hợp đồng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (như những vấn đề đã thảo luận ở trên). Đặc biệt, doanh nghiệp cần có ý thức về những tác động của việc áp dụng IFRS lên điều kiện kinh doanh của mình, chẳng hạn như tác động từ hợp đồng hoặc thuế, chính sách quản lý rủi ro thận trọng, trước ngày chúng trở thành hiện thực. Việc tìm ra được giải pháp hoặc ít nhất tìm ra được các cách thức để giảm thiểu hậu quả của các tác động bất lợi bằng cách sửa đổi hoặc thay thế các thỏa thuận trước khi IFRS có hiệu lực có thể đẩy nhanh thời hạn hoàn thành tất cả hoặc một số chuyển đổi trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Cuối cùng, kinh nghiệm từ các quốc gia khác chỉ ra rằng trong quá trình chuyển đổi, khả năng xảy ra sai sót sẽ tăng lên khi thực hiện áp dụng IFRS lần đầu tiên. Ngay cả khi thời gian và lộ trình cụ thể đã được quy định bởi Bộ Tài Chính cho quá trình chuyển đổi tại Việt Nam theo Quyết định số 345/QĐ-BTC, thì những thay đổi tiếp theo trong tiêu chuẩn IFRS (xem Mục 7) có thể thách thức đối với khả năng hoàn tất quá trình áp dụng IFRS. Cách phòng ngừa tốt nhất là chuẩn bị đủ thời gian để suy xét và đánh giá chất lượng trước khi IFRS chính thức có hiệu lực.

Với lượng thời gian tương đối còn lại cho đến khi việc chuyển đổi trở nên bắt buộc, thời hạn để hoàn thành các yếu tố chuẩn bị của quá trình chuyển đổi càng sớm thì càng cần ít thời gian để hoàn thành các hoạt động chính của chuyển đổi. Ở một mức độ nào đó, việc giảm thiểu về thời gian có thể được bù đắp bằng việc tăng nguồn lực hoạt động trong cùng khoảng thời gian đó. Ngoài việc giảm rủi ro về việc hoàn thành không đúng hạn, việc bao gồm nhiều cá nhân hơn trong các công việc cũng có thể nâng cao năng lực và hiểu biết của toàn doanh nghiệp về IFRS.

Tuy nhiên, tiêu điểm tập trung vào ngày chuyển đổi 01 tháng 01 năm 2026 đã làm mờ nhạt đi thực tế quan trọng rằng việc chuyển đổi được thực hiện đồng bộ cho toàn bộ hệ thống báo cáo tài chính (và các hoạt động hỗ trợ của nó như tài chính, hợp đồng, xử lý, v.v.) chứ không chỉ đơn giản là chuyển đổi báo cáo tài chính. Phương pháp tiếp cận có hệ thống đã chỉ ra rằng việc đặt thời hạn sớm hơn cho một số bộ phận nhất định thường đem lại kết quả đạt tiêu chuẩn hơn.



Phần 11: Lựa chọn chiến lược trong chuyển đổi IFRS

Mặc dù các hoạt động và quyết định được đưa ra trong quá trình chuyển đổi IFRS chủ yếu là vấn đề về liên quan về mặt kế toán nhưng chúng tôi tin rằng có rất nhiều lựa chọn trong số đó tiềm tàng những giá trị chiến lược cho doanh nghiệp.

Do đó, chúng tôi cho rằng việc chuyển đổi sang IFRS không chỉ đơn thuần là một cuộc chuyển đổi về phương pháp kế toán mà là một cuộc chuyển đổi có ảnh hưởng và ý nghĩa sâu sắc lên nhiều khía cạnh như cách đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, chính sách lương thưởng và chiến lược truyền thông của doanh nghiệp. Vì vậy, những quyết định này cần nhận được sự cân nhắc cẩn thận của ban quản lý cấp cao và ban giám đốc vì chúng sẽ có những ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp về mặt chiến lược chứ không chỉ đơn thuần là làm thay đổi báo cáo tài chính.

Các vấn đề chiến lược mà chúng tôi đã xem xét có thể được phân loại bằng cách xem xét khả năng ảnh hưởng của chúng lên định giá doanh nghiệp, chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động, việc xây dựng và diễn giải các thỏa thuận của ngân hàng, và chi phí sử dụng vốn. Bảng sau đây tóm tắt những ảnh hưởng này.

	Định giá doanh nghiệp	Chỉ số hiệu quả hoạt động	Thỏa thuận ngân hàng	Chi phí sử dụng vốn
Lựa chọn chiến lược trong IFRS 1: Xác định những lựa chọn có thể đem lại ảnh hưởng đáng kể ngoài phạm vi của báo cáo tài chính	✓	✓	✓	✓
Những chính sách và sự lựa chọn trong IFRS có thể ảnh hưởng đến dòng tiền được ghi nhận		✓		
Kết hợp chỉ số EBITDA, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và các chỉ số đo lường không theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung khác vào kế hoạch chuyển đổi IFRS	✓	✓		
Lợi ích của việc sử dụng giá trị hợp lý làm giá trị quy ước của tài sản, nhà máy và thiết bị khi thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS	✓	✓	✓	✓
Phúc lợi của nhân viên bao gồm quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định: các lựa chọn quan trọng trong và sau khi chuyển đổi		✓	✓	
Đàm phán hoặc thương lượng lại các thỏa thuận ngân hàng và các thỏa thuận khác liên quan đến các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung khi chuyển đổi sang IFRS: sự cân nhắc mang tính chiến lược			✓	✓
Một nền tảng không ổn định: những thay đổi trong tương lai của IFRS và ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi và trao đổi thông tin	✓	✓	✓	✓
Tiếp cận nguyên tắc thuyết minh về chi phí vốn và lương thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt: các lựa chọn và thông điệp mang lại		✓		✓
Công bố thông tin về việc chuyển đổi sang IFRS		✓		
Đặt ra những thời hạn chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS phù hợp về mặt chiến lược: tại sao doanh nghiệp không nên chỉ lo lắng về ngày 01 tháng 01 năm 2026		✓		

Có thể thấy, trong nhiều trường hợp, việc chuyển đổi IFRS có thể có những ảnh hưởng vượt ra ngoài phạm vi của báo cáo tài chính. Theo quan điểm của chúng tôi, trong quá trình chuyển đổi IFRS nếu một doanh nghiệp đang đưa ra quyết định liên quan đến những vấn đề này, doanh nghiệp đó nên xem xét cẩn thận các lựa chọn sẵn có và xem xét tác động của chúng không chỉ đối với báo cáo tài chính mà ở tất cả những khía cạnh khác một cách bao quát hơn trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Một khi quyết định cuối cùng đã được đưa ra, các bên liên quan cũng nên được thông báo về những yếu tố và thay đổi có thể được kỳ vọng trong báo cáo tuân thủ theo IFRS lần đầu tiên. Một chiến lược truyền thông rõ ràng và minh bạch sẽ đem lại giá trị chiến lược vô cùng lớn cho doanh nghiệp.

Ngoài các vấn đề được nêu trong Ấn phẩm này, có rất nhiều vấn đề khác trong chuyển đổi IFRS mà có khả năng tạo ra những giá trị chiến lược, tuy nhiên trong một số trường hợp đó doanh nghiệp cũng có khá ít sự lựa chọn. Ấn phẩm này không đề cập tới các vấn đề trên vì chúng tôi cho rằng chúng thích hợp được coi là vấn đề về sự tuân thủ theo IFRS hơn là vấn đề về sự lựa chọn. Đối với những quyết định hay đánh giá mà doanh nghiệp không có câu trả lời thích hợp tương đối chắc chắn, chúng tôi khuyên bạn nên tìm kiếm và tham khảo sự hỗ trợ từ các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp.

Các chuyên gia của Deloitte được liệt kê ở phía sau bìa của Ấn phẩm này có thể hỗ trợ bạn trong những trường hợp trên. Lời khuyên được cung cấp trong Ấn phẩm này không thể hoàn toàn liệt kê tất cả các sự kiện và hoàn cảnh có liên quan cho bất kỳ tình huống cụ thể nào của người lập báo cáo tài chính. Vì vậy, Ấn phẩm này không có ý định cung cấp bất kỳ hướng dẫn nào mà chỉ nêu lên những vấn đề mà doanh nghiệp có thể tìm kiếm sự trợ giúp và hướng dẫn. Vì thế, chúng tôi không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với các quyết định được đưa ra dựa vào Ấn phẩm này mà doanh nghiệp nên tìm kiếm lời khuyên phù hợp từ những chuyên gia.

Liên hệ – Các chuyên gia IFRS của chúng tôi

Khi Quý Công ty có nhu cầu triển khai IFRS, hãy tham khảo những lợi ích nếu phương pháp này được kết hợp với cách tiếp cận từ Quý công ty. Quá trình áp dụng IFRS sẽ phức tạp nhưng vô cùng cần thiết nếu Quý công ty muốn có được những dữ liệu chuyên sâu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và sự liên kết như mong muốn thông qua một nền tảng thông tin chung.

Nếu Quý công ty đang cân nhắc chuyển sang IFRS hoặc đã bắt đầu áp dụng IFRS và muốn tìm hiểu thêm về các phương pháp tiếp cận khả thi, vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết.



Trần Thị Thúy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Thị trường & Khách hàng

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 71 050 234

ntran@deloitte.com



Bùi Văn Trịnh

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 28 7101 4025

trabui@deloitte.com



Đỗ Hồng Dương

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 7105 0317

duongdo@deloitte.com



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 7105 0599

npham@deloitte.com



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 28 7101 4027

sangnguyen@deloitte.com

Văn phòng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
SĐT: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh
SĐT: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết:

Website : www.deloitte.com/vn

Email : deloittevietnam@deloitte.com

Deloitte.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.